

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	<b>Tiết 1 - Bài 1: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ</b>
<p><b>Hoạt động 1:</b></p> <p><b>1. Sự đa dạng loài và sự phong phú về số lượng cá thể</b></p> <p>- HS nghiên cứu thông tin SGK, quan sát H1.1- 2 SGK tr.5,6 và trả lời câu hỏi: + Sự phong phú về loài được thể hiện như thế nào? + Hãy kể tên loài động trong: + Một mẻ kéo lưới ở biển. + Tát 1 ao cá + Đánh bắt ở hồ. + Chặn dòng nước suối ngầm? Ban đêm mùa hè ở trên cánh đồng có những loài động vật nào phát ra tiếng kêu? - Em có nhận xét gì về số lượng cá thể trong bầy ong, đàn bướm, đàn kiến?</p> <p><b>2. Sự đa dạng về môi trường sống.</b></p> <p>- HS quan sát hình 1.4, hoàn thành bài tập. Điền chú thích. ? Đặc điểm gì giúp chim cánh cụt thích nghi với khí hậu giá lạnh ở vùng cực? ? Nguyên nhân nào khiến ĐV ở nhiệt đới đa dạng và phong phú hơn vùng ôn đới nam cực? + ĐV nước ta có đa dạng và phong phú không, tại sao? ? Lấy ví dụ chứng minh sự phong phú về môi trường sống của động vật</p>	<p><b>1.Sự đa dạng loài và sự phong phú về số lượng cá thể.</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:  =&gt;<b>Kết luận:</b>  - Thế giới động vật rất đa dạng về loài và phong phú về số lượng cá thể trong loài.</p> <p><b>2. Sự đa dạng về môi trường sống.</b>  HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:  * Kết luận. - Động vật có ở khắp nơi do chúng thích nghi với mọi môi trường sống.</p>
<p><b>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></b></p> <p><b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p>Câu 1: Môi trường sống cơ bản của động vật bao gồm: a. Dưới nước và trên cạn b. Dưới nước và trên không c. Trên cạn và trên không d. Dưới nước, trên cạn và trên không</p> <p>Câu 2: Động vật đa dạng, phong phú nhất ở a. Vùng ôn đới b. Vùng nhiệt đới c. Vùng nam cực d. Vùng bắc cực</p>

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1..... ..... ..... ..... 2. .... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	<b>Tiết 2: Bài 2. PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VỚI THỰC VẬT. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT.</b>
<p><b>Hoạt động 1</b></p> <p><b>I. Đặc điểm chung của động vật.</b></p> <p>- HS quan sát H2.1 hoàn thành bảng 1 SGK tr.9 hoàn thành các câu hỏi sau: +ĐV giống TV ở điểm nào? + ĐV khác TV ở điểm nào?</p> <p><b>II. Sơ lược phân chia giới động vật.</b></p> <p>- HS tìm hiểu và giới thiệu giới động vật được chia thành 20 ngành thể hiện ở hình 2.2 SGK . ĐV có xương sống có mấy ngành? ĐV không xương sống có mấy ngành</p>	<p><b>I. Đặc điểm chung của động vật.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>* Đặc điểm giống nhau giữa động vật và thực vật</p> <p>- Đặc điểm giống nhau: Cấu tạo từ tế bào.</p> <p>- Đặc điểm khác nhau: Di chuyển, hệ thần kinh và giác quan, thành xenlulô của tế bào, chất hữu cơ nuôi cơ thể.</p> <p><b>II. Sơ lược phân chia giới động vật.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>* Kết luận.</p> <p>- Có 8 ngành động vật</p>



<p><b>Hoạt động 1.</b></p> <p><b>I. Trùng roi xanh.</b></p> <p>- HS nghiên cứu SGK vận dụng kiến thức bài trước.</p> <p>+ Quan sát hình 4.1- 2 SGK trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Cách di chuyển của trùng roi?</p> <p>+ Các hình thức dinh dưỡng ?</p> <p>+ Kiểu sinh sản?</p> <p><b>II. Tập đoàn trùng roi.</b></p> <p>- HS nghiên cứu SGK quan sát H4.3 SGK tr.18, hoàn thành bài tập SGK tr.19.</p> <p>+ Tập đoàn trùng roi dinh dưỡng như thế nào?</p> <p>+ Hình thức sinh sản của tập đoàn trùng roi.</p> <p>+ Tập đoàn trùng roi cho ta suy nghĩ gì mối liên quan giữa động vật đơn bào và động vật đa bào?</p>	<p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p><b>I. Trùng roi xanh.</b></p> <p>- Là động vật đơn bào, di chuyển bằng roi</p> <p><b>1. Dinh dưỡng:</b></p> <p>- Tự dưỡng và dị dưỡng.</p> <p>- Hô hấp: Trao đổi khí qua màng tế bào.</p> <p>- Bài tiết: Nhờ không bào co bóp.</p> <p><b>2. Sinh sản:</b></p> <p>- Vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc cơ thể.</p> <p><b>II. Tập đoàn trùng roi.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>- Tập đoàn trùng roi gồm nhiều tế bào, bước đầu có sự phân hóa chức năng.</p> <p>* Ghi nhớ SGK.</p>
<p><b>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></b></p> <p><b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p><b>Câu 1:</b> Hình thức dinh dưỡng của trùng roi xanh</p> <p>a. Tự dưỡng</p> <p>b. Dị dưỡng</p> <p>c. Tự dưỡng và dị dưỡng</p> <p>d. Kí sinh</p> <p><b>Câu 2:</b> Trùng roi khác thực vật ở những điểm nào?</p> <p>a. Có khả năng di chuyển</p> <p>b. Có diệp lục</p> <p>c. Tự dưỡng</p> <p>d. Có cấu tạo tế bào</p>

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1..... ..... ..... .....

	2. .... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....
--	--

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

**Bài này bỏ mục II.2. Lệnh ▼ trang 22**

NỘI DUNG	GHI NHỚ
<b>Chủ đề: Ngành Động vật nguyên sinh</b>	<b>BÀI 5- TIẾT 5: TRÙNG BIẾN HÌNH VÀ TRÙNG GIÀY</b>
<p><b>Hoạt động 1:</b>  <b>I. Trùng biến hình</b>            HS quan sát H5.1 H 5.2, trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+Trình bày cấu tạo và di chuyển của trùng biến hình?            +Dinh dưỡng của trùng biến hình?            +Sinh sản của trùng biến hình?</p> <p><b>II. Trùng giày:</b>            HS quan sát H5.1 H 5.2, trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>Trình bày cấu tạo và di chuyển của trùng biến hình?            Dinh dưỡng của trùng biến hình?            Sinh sản của trùng biến hình?</p>	<p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p><b>I. Trùng biến hình</b></p> <p>1. <b>Cấu tạo và di chuyển:</b></p> <p>- Cấu tạo: Là một cơ thể động vật đơn bào có cấu tạo đơn giản.            - Di chuyển và bắt mồi bằng chân giả, dinh dưỡng nhờ không bào co bóp.</p> <p>2. <b>Dinh dưỡng:</b>            Dinh dưỡng nhờ không bào tiêu hóa.            Bài tiết nhờ không bào co bóp ở mọi vị trí trên cơ thể</p> <p>3. <b>Sinh sản:</b>            Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi cơ thể (theo chiều bất kỳ)</p> <p><b>II. Trùng giày:</b></p> <p>1. <b>Cấu tạo và di chuyển:</b>            -Trùng giày là động vật đơn bào.            -Cấu tạo đã phân hóa thành nhiều bộ phận: nhân lớn, nhân nhỏ, không bào tiêu hóa, không bào co bóp...            -Di chuyển nhờ lông bơi.</p> <p>2. <b>Dinh dưỡng:</b>            -Thức ăn → miệng → hầu → không bào tiêu hóa → biến đổi nhờ Enzim            - Chất thải được đưa đến không bào co bóp → lỗ thoát ra ngoài</p> <p>3. <b>Sinh sản:</b></p>

	Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi cơ thể (theo chiều bất kỳ)
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b> <b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b>	<b>Câu 1:</b> Cơ thể động vật nguyên sinh nào có hình dạng không ổn định? a. Trùng roi b. Trùng giày c. Trùng biến hình d. Cả a,b đúng <b>Câu 2:</b> Hình thức dinh dưỡng của trùng biến hình là a. Tự dưỡng b. Dị dưỡng c. Tự dưỡng và dị dưỡng d. Kí sinh

Trường: THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1. .... ..... ..... ..... 2. .... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

**Bài này bỏ mục I. Lệnh ▼ trang 23 và mục II.2. Lệnh ▼ trang 24**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Chủ đề: Ngành Động vật nguyên sinh</b>	<b>Tiết 6- Bài 6. TRÙNG KIẾT LỊ VÀ TRÙNG SỐT RÉT</b>

<p><b>Hoạt động 1:</b>  <b>I. Trùng kiết lị và trùng sốt rét.</b>  - HS nghiên cứu SGK quan sát H6.1- 4 SGK tr.23,24 trả lời các câu hỏi sau để hoàn thành phiếu học tập :</p> <p>+Khả năng kết bào xác của trùng kiết lị có tác hại như thế nào?  - So sánh trùng kiết lị và trùng sốt rét: cấu tạo, dinh dưỡng, phát triển</p> <p>- HS đọc nội bảng 1 kết hợp với H6.4 SGK. Trả lời các câu hỏi:  + Tại sao người ta bị sốt rét da tái xanh?  + Tại sao người bị kiết lị đi ngoài ra máu?  + Muốn phòng tránh bệnh ta phải làm gì?</p> <p><b>II. Bệnh sốt rét ở nước ta.</b>  HS đọc SGK kết hợp với những thông tin thu thập được, trả lời câu hỏi:  +Tình trạng bệnh sốt rét ở nước ta hiện nay như thế nào?  + Cách phòng chống bệnh sốt trong cộng đồng?  + Tại sao người sống ở miền núi hay bị sốt rét?</p>	<p><b>I. Trùng kiết lị và trùng sốt rét.</b></p> <table border="1" data-bbox="810 286 1402 1323"> <thead> <tr> <th>Đặc điểm</th> <th>Trùng kiết lị</th> <th>Trùng sốt rét</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cấu tạo</td> <td>-Có chân giả ngắn -Cơ thể là khối chất nguyên sinh. -Không bào co bóp</td> <td>-Khích thước nhỏ không có khả năng di chuyển -Không có không bào co bóp</td> </tr> <tr> <td>Dinh dưỡng</td> <td>-Kí sinh ở người -Ăn hồng cầu</td> <td>-Kí sinh trong hồng cầu người, ruột và tuyến nước bọt của muỗi anophen</td> </tr> <tr> <td>Phát triển</td> <td>Trong môi trường kết bào xác, khi vào ruột người chui ra ngoài và bám vào thành ruột</td> <td>Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>II. Bệnh sốt rét ở nước ta.</b></p> <p>* Kết luận  - Bệnh sốt rét ở nước ta đang dần được thanh toán.  - Phòng bệnh: Vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, diệt muỗi.</p>	Đặc điểm	Trùng kiết lị	Trùng sốt rét	Cấu tạo	-Có chân giả ngắn -Cơ thể là khối chất nguyên sinh. -Không bào co bóp	-Khích thước nhỏ không có khả năng di chuyển -Không có không bào co bóp	Dinh dưỡng	-Kí sinh ở người -Ăn hồng cầu	-Kí sinh trong hồng cầu người, ruột và tuyến nước bọt của muỗi anophen	Phát triển	Trong môi trường kết bào xác, khi vào ruột người chui ra ngoài và bám vào thành ruột	Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu
Đặc điểm	Trùng kiết lị	Trùng sốt rét											
Cấu tạo	-Có chân giả ngắn -Cơ thể là khối chất nguyên sinh. -Không bào co bóp	-Khích thước nhỏ không có khả năng di chuyển -Không có không bào co bóp											
Dinh dưỡng	-Kí sinh ở người -Ăn hồng cầu	-Kí sinh trong hồng cầu người, ruột và tuyến nước bọt của muỗi anophen											
Phát triển	Trong môi trường kết bào xác, khi vào ruột người chui ra ngoài và bám vào thành ruột	Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu											
<p><b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>  <b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p><b>Câu 1:</b> Vị trí kí sinh của trùng kiết lị trong cơ thể người là  A. trong máu.  B. khoang miệng.  C. ở gan.  D. ở thành ruột.  <b>Câu 2:</b> Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?</p>												

	A. trùng biến hình và trùng roi xanh. B. trùng roi xanh và trùng giày. C. trùng giày và trùng kiết lị. D. trùng biến hình và trùng kiết lị.
--	--

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1. .... ..... ..... ..... ..... 2. .... ..... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

**Bài này bỏ nội dung về Trùng lỗ trang 27**

NỘI DUNG	GHI NHỚ
<b>Chủ đề: Ngành Động vật nguyên sinh</b>	<b>Tiết 7 - Bài 7: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ THỰC TIỄN CỦA ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH</b>
<b>Hoạt động 1:</b> <b>I. Đặc điểm chung.</b> - GV yêu cầu tiếp tục trả lời nhóm thực hiện 3 câu hỏi: + Động vật nguyên sinh sống tự do có	<b>I. Đặc điểm chung.</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: * Kết luận. - Động vật nguyên sinh có đặc điểm: + Cơ thể chỉ là 1 TB đảm nhận mọi chức năng sống. + Dinh dưỡng chủ yếu bằng cách dị dưỡng.

<p>đặc điểm gì? + Động vật nguyên sinh sống kí sinh có đặc điểm gì? + Động vật nguyên sinh có đặc điểm chung gì?</p> <p><b>II. Vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh.</b> - HS nghiên cứu SGK và quan sát H7.1-2 SGK tr.27. hoàn thành bảng 2. Cho biết: - Vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh? - Kể tên các đại diện</p>	<p>+ Sinh sản vô tính và hữu tính.</p> <p><b>II. Vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh.</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <table border="1" data-bbox="555 696 1402 994"> <thead> <tr> <th>Vai trò thực tiễn</th> <th>Tên các động vật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt giáp xác nhỏ.</td> <td>Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình.</td> </tr> <tr> <td>Gây bệnh ở động vật.</td> <td>Trùng tàn gai, cầu trùng (gây bệnh ở thỏ)</td> </tr> <tr> <td>Gây bệnh ở người.</td> <td>- Trùng kiết lị, trùng sốt rét, trùng bệnh ngủ.</td> </tr> </tbody> </table>	Vai trò thực tiễn	Tên các động vật	Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt giáp xác nhỏ.	Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình.	Gây bệnh ở động vật.	Trùng tàn gai, cầu trùng (gây bệnh ở thỏ)	Gây bệnh ở người.	- Trùng kiết lị, trùng sốt rét, trùng bệnh ngủ.
Vai trò thực tiễn	Tên các động vật								
Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt giáp xác nhỏ.	Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình.								
Gây bệnh ở động vật.	Trùng tàn gai, cầu trùng (gây bệnh ở thỏ)								
Gây bệnh ở người.	- Trùng kiết lị, trùng sốt rét, trùng bệnh ngủ.								
<p><b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b> <b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p><b>Câu 1:</b> Động vật nguyên sinh sống kí sinh thường có đặc điểm nào? A. Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hoặc kém phát triển. B. Dinh dưỡng theo kiểu hoại sinh. C. Sinh sản vô tính với tốc độ nhanh. D. Cả 3 phương án trên đều đúng.</p> <p><b>Câu 2:</b> Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng? A. Cơ thể có cấu tạo đơn bào. B. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người. C. Hình dạng luôn biến đổi. D. Không có khả năng sinh sản.</p>								

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1..... ..... ..... ..... 2. ....

		..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....
--	--	---

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
MÔN SINH HỌC 7**

**Bài này bỏ Mục II. Bảng trang 30 và Mục II. Lệnh ▼ trang 30**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI NHỚ</b>
<b>CHỦ ĐỀ- CHƯƠNG 2. NGÀNH RUỘT KHOANG</b>	<b>Tiết 8- Bài 8. THỦY TỨC</b>
<p><b>Hoạt động 1:</b></p> <p><b>I. Hình dạng ngoài và di chuyển của thủy tức.</b></p> <p>-HS quan sát H8.1- 2, đọc thông tin SGK tr.29 trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Trình bày hình dạng cấu tạo ngoài của thủy tức?</p> <p>+ Thủy tức sinh sản như thế nào ? Mô tả bằng lời 2 cách di chuyển?</p> <p><b>II. Cấu tạo trong.</b></p> <p>- GV yêu cầu quan sát hình cắt dọc của thủy tức, đọc thông tin bảng 1,</p> <p>+ Trình bày cấu tạo trong của thủy tức</p> <p><b>III. Dinh dưỡng của thủy tức.</b></p> <p>- HS quan sát tranh thủy tức bắt mồi, kết hợp thông tin SGK tr.31 trao đổi nhóm trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Thủy tức đưa mồi vào miệng bằng cách nào?</p> <p>+ Cơ thể thủy tức tiêu hoá thực hiện ở đâu?</p> <p>+ Thủy tức thải bã bằng cách nào?</p> <p><b>III.Sinh sản</b></p> <p>- HS quan sát H8.1 sinh sản của thủy tức trả</p>	<p><b>I. Hình dạng ngoài và di chuyển của thủy tức.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>* Kết luận</p> <p>- Cấu tạo ngoài: Hình trụ dài.</p> <p>+ Đối xứng tỏa tròn .</p> <p>+ Di chuyển chậm chạp kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu, bơi.</p> <p><b>II. Cấu tạo trong.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>* Kết luận</p> <p>- Thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào, gồm nhiều loại tế bào có cấu tạo phân hóa</p> <p><b>III. Dinh dưỡng của thủy tức.</b></p> <p>HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn:</p> <p>* Kết luận</p> <p>- Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng, quá trình tiêu hóa thức ăn thực hiện trong ruột túi</p> <p>- Sự trao đổi khí được thực hiện qua thành cơ thể.</p> <p><b>III. Sinh sản</b></p>

lời câu hỏi. + Thủy tức có những kiểu sinh sản nào?	HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: * Kết luận. - Các hình thức sinh sản. + Sinh sản vô tính : Bằng cách mọc chồi + Sinh sản hữu tính: Bằng cách hình thành TB sinh dục đực cái. + Tái sinh: 1 phần cơ thể tạo nên cơ thể mới.
<p><b>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></b></p> <p><b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p><b>Câu 1.</b> Hình dạng của thủy tức là</p> <p>A. dạng trụ dài.          B. hình cầu.          C. hình đĩa.          D. hình nấm.</p> <p><b>Câu 2.</b> Thủy tức có di chuyển bằng cách nào?</p> <p>A. Di chuyển kiểu lộn đầu.          B. Di chuyển kiểu sâu đo.          C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước.          D. Cả A và B đều đúng.</p>

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1. .... ..... ..... ..... ..... 2. .... ..... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... .....

## TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**MÔN SINH HỌC 7**

**Bài này bỏ Mục I. Lệnh ▼ trang 33 và Mục III. Lệnh ▼ trang 35**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>CHỦ ĐỀ- CHƯƠNG 2. NGÀNH RUỘT KHOANG</b>	<b>Tiết 9- Bài 9. ĐA DẠNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG</b>
<p><b>Hoạt động 1:</b></p> <p><b>I. Súra</b> -HS quan sát tranh H9.1SGK/33-34 cho biết - Đặc điểm cấu tạo của súra thích nghi với lối sống di chuyển tự do như thế nào?</p> <p><b>II. Hải quỳ</b> - HS nghiên cứu thông tin trong bài quan sát tranh H9.2 SGK/34 trả lời câu hỏi: - Nêu cấu tạo của hải quỳ? - Đặc điểm cấu tạo của hải quỳ thích nghi với lối sống bám? - Hải quỳ bắt mồi như thế nào?</p> <p><b>III.San hô</b> - HS nghiên cứu thông tin trong bài quan sát tranh H9.3 SGK/34 trả lời câu hỏi: - Nêu cấu tạo của san hô? - Đặc điểm cấu tạo của san hô thích nghi với lối sống cố định? - San hô bắt mồi như thế nào?</p>	<p><b>I. Súra.</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: - Cơ thể súra hình dù. Có cấu tạo thích nghi với nổi sống bơi lội: Miệng ở dưới, di chuyển bằng co bóp dù, tự vệ bằng tế bào gai.</p> <p><b>II. Hải quỳ</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: - Cơ thể hải quỳ hình trụ, có cấu tạo thích nghi với nổi sống bám: có đế bám, miệng ở phía trên. Sống đơn độc.</p> <p><b>III. San hô:</b> HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: - Cơ thể san hô hình trụ, có cấu tạo thích nghi với nổi sống cố định:có bộ khung xương bất động (bộ khung xương bằng đá vôi) và tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn.</p>
<p><b>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></b> <b>-Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở(GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)</b></p>	<p><b>Câu 1.</b> Đặc điểm nào dưới đây có ở súra? A. Miệng ở phía dưới. B. Di chuyển bằng tua miệng. C. Cơ thể dẹp hình lá. D. Không có tế bào tự vệ.</p> <p><b>Câu 2.</b> Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ? A. Kiểu ruột hình túi. B. Cơ thể đối xứng toả tròn. C. Sống thành tập đoàn. D. Thích nghi với lối sống bám.</p>

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
kHTN	Mục I, II, III : .... Làm bài tập : ....	1..... ..... ..... ..... ..... 2. .... ..... ..... ..... ..... 3. .... ..... ..... ..... .....